

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 304/2020/DS-PT
Ngày 25 – 12 – 2020
V/v tranh chấp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung
Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng– Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 308/2020/TLPT-DS ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hui.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 136/2020/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 277/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn M, sinh năm 1971 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh C .

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1966 (Vắng mặt);

2. Bà Trà Thị S, sinh năm 1961 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của ông Q, bà S: Anh Dương Phần K, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 104, khóm 8, phường 3, thành phố S, tỉnh S. (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1989 (Vắng mặt);

Địa chỉ: 247/16, Lạc L, phường 3, quận 11, thành phố H ..

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lan A: Anh Dương Phần K, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 104, khóm 8, phường 3, thành phố S, tỉnh S. (Có mặt).

2. Anh Nguyễn Phi A1 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Công ty M, thành phố C, tỉnh C.

- *Người kháng cáo:* Anh Dương Phần K, là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Q, bà Trà Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo ông Trần Văn M trình bày:*

Vào ngày 10/10/2011 âm lịch, ông M có mở dây hui loại hui 3.000.000 đồng, 01 tháng khui hui 01 lần; dây hui gồm 40 chung, vợ chồng bà S và ông Q tham gia 02 chung. Ông Q và bà S đóng hui đến ngày 10/8/2012 bỏ hui với số tiền 1.910.000 đồng và hốt hui; đến ngày 16/8/2012 ông giao hui số tiền 63.520.000 đồng (trừ hoa hồng 1.500.000 đồng) còn lại số tiền 62.020.000 đồng cho ông Q và bà S cho ông Q trực tiếp nhận, có làm biên nhận do ông Q ký. Sau đó ông Q và bà S đóng hui chết đến ngày 04/4/2013 âm lịch thì ngưng đóng hui, hui hiện nay đã mãn. Chung hui chết ông Q và bà S thiếu lại 21 lần đóng x 3.000.000 đồng = 63.000.000 đồng. Chung hui sống ông Q và bà S đóng được 10 lần (từng lần đóng cụ thể không nhớ) tính giá hui chết được 30.000.000 đồng. Đối trừ, ông Q và bà S còn nợ lại 33.000.000 đồng.

Vào ngày 10/6/2012 âm lịch, ông M có mở dây hui loại hui 3.000.000 đồng, 01 tháng khui hui 01 lần; dây hui gồm 30 chung, vợ chồng bà S và ông Q tham gia 01 chung. Ông Q và bà S đóng hui đến ngày 10/9/2012 bỏ hui với số tiền 1.300.000 đồng và hốt hui; đến ngày 16/9/2012 ông giao hui số tiền 51.900.000 đồng (trừ hoa hồng 1.500.000 đồng) còn lại số tiền 50.400.000 đồng cho ông Q trực tiếp nhận, có làm biên nhận do ông Q ký. Sau đó ông Q và bà S đóng hui chết đến ngày 04/4/2013 âm lịch thì ngưng đóng hui, hui hiện nay đã mãn. Ông Q và bà S còn nợ lại 21 lần đóng x 3.000.000 đồng = 63.000.000 đồng.

Vào ngày 06/01/2013 âm lịch, ông M có mở dây hui loại hui 3.000.000 đồng, 01 tháng khui hui 01 lần; dây hui gồm 25 chung, vợ chồng bà S và ông Q tham gia 01 chung. Ông Q và bà S đóng hui đến ngày 06/3/2013 bỏ hui với số tiền 1.550.000 đồng và hốt hui; đến ngày 12/3/2013 ông giao hui số tiền 36.450.000 đồng (trừ hoa hồng 1.500.000 đồng) còn lại số tiền 34.950.000 đồng cho bà S trực tiếp nhận, có làm biên nhận do bà S ký. Sau đó ông Q và bà S đóng hui chết đến ngày 04/4/2013 âm lịch thì ngưng đóng hui, hui hiện nay đã mãn. Ông Q và bà S còn nợ lại 21 lần đóng x 3.000.000 đồng = 63.000.000 đồng.

Vào ngày 25/02/2012 âm lịch, ông M có mở dây hui loại hui 5.000.000 đồng, 01 tháng khui hui 01 lần; dây hui gồm 31 chung, vợ chồng bà S và ông Q tham gia 03 chung (trong danh sách hui để tên Q, S và Lan A (con của Q)). Ông Q và bà S hốt hui đầu bỏ hui với số tiền 1.900.000 đồng; đến ngày 02/4/2012 ông giao hui số tiền 91.800.000 đồng (trừ hoa hồng 2.500.000 đồng) còn lại số tiền 89.300.000 đồng cho ông Q và bà S trực tiếp nhận, có làm biên nhận do ông Q và bà S ký. Sau đó ông Q và bà S đóng hui chết đến ngày 04/4/2013 âm lịch thì ngưng đóng hui. Chung thứ 2: Ngày 25/6/2012 âm lịch, ông Q và bà S bỏ hui với số tiền 2.820.000 đồng và hốt hui; đến ngày 02/7/2012 ông giao hui số tiền 79.500.000 đồng (trừ hoa hồng

2.500.000 đồng) còn lại số tiền 77.000.000 đồng cho bà S trực tiếp nhận, có làm biên nhận bà S ký. Sau đó ông Q và bà S đóng hụi chết đến ngày 04/4/2013 âm lịch thì ngưng đóng hụi. Chung thứ 3: Ngày 25/11/2012 âm lịch ông Q và bà S bỏ hụi với số tiền 3.010.000 đồng và hốt hụi; đến ngày 02/12/2012 ông giao hụi số tiền 89.800.000 đồng (trừ hoa hồng 2.500.000 đồng) còn lại số tiền 87.300.000 đồng cho ông Q và bà S trực tiếp nhận, có làm biên nhận ông Q và bà S ký. Sau đó ông Q và bà S đóng hụi chết đến ngày 04/4/2013 âm lịch thì ngưng đóng hụi. Dây hụi hiện nay đã mãn, ông Q và bà S còn nợ hụi chết 03 chung x 16 lần đóng x 5.000.000 đồng = 240.000.000 đồng.

Ông M yêu cầu ông Q và bà S trả cho ông tổng số tiền hụi 399.000.000 đồng và tiền chi phí giám định 5.060.000 đồng.

- Theo ông Nguyễn Văn Q và bà Trà Thị S trình bày:

Vào ngày 10/10/2011 âm lịch ông M có mở hụi loại hụi 3.000.000 đồng, 01 tháng khai hụi 01 lần; dây hụi gồm 40 chung, vợ chồng bà S và ông Q tham gia 02 chung. Đến ngày 10/8/2012 ông bà bỏ hụi với số tiền 1.900.000 đồng và hốt hụi, số tiền hốt được 65.020.000 đồng, nhưng đến ngày 16/8/2012 chỉ nhận được tiền hụi số tiền 62.020.000 đồng do ông Q trực tiếp nhận, có làm biên nhận do ông Q ký. Ông Q và bà S đóng hụi chết đến mãn hụi (việc đóng hụi chết lại không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh); chung hụi này ông M còn nợ lại 3.000.000 đồng. Chung hụi thứ 2: Ngày 10/9/2012 âm lịch ông, bà bỏ hụi với số tiền 1.300.000 đồng và hốt hụi, số tiền hốt được 83.200.000 đồng (trừ hoa hồng 1.500.000 đồng) còn lại số tiền 81.700.000 đồng nhưng ông M chưa giao. Do ông M không giao số tiền hụi hốt được nên chung hụi này ông, bà không có đóng hụi lại chết. Hụi hiện nay đã mãn, Chung hụi này ông M còn nợ lại 81.700.000 đồng.

Vào ngày 25/02/2012 âm lịch ông M có mở hụi 5.000.000 đồng, 01 tháng khai hụi 01 lần; dây hụi gồm 31 chung, vợ chồng bà S và ông Q tham gia 02 chung (trong danh sách hụi ghi tên Q, S). Chung hụi thứ 01: Ngày 25/3/2012 âm lịch ông, bà hốt hụi đầu bỏ hụi với số tiền 1.900.000 đồng, hốt được số tiền 94.300.000 đồng (đã trừ hoa hồng); đến ngày 02/4/2012 âm lịch ông, bà nhận tiền hụi với số tiền 89.300.000 đồng; chung hụi này ông, bà đã đóng lại hụi chết đầy đủ (việc đóng hụi không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh). Chung thứ 2: Ngày 25/6/2012 âm lịch ông, bà bỏ hụi với số tiền 2.820.000 đồng và hốt hụi, hốt được số tiền 79.820.000 đồng (đã trừ hoa hồng); đến ngày 02/7/2012 ông, bà nhận tiền hụi số tiền 77.000.000 đồng; chung hụi này ông, bà đã đóng lại hụi chết đầy đủ (việc đóng hụi không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh). Dây hụi này ông M còn thiếu lại ông, bà số tiền 7.820.000 đồng. Còn 01 chung ghi tên Lan A là của Nguyễn Thị Lan A tham gia chứ không phải của ông Q và bà S.

Đối với 02 dây hụi khai vào ngày 10/6/2012 âm lịch và ngày 06/01/2013 âm lịch ông Q và bà S không có tham gia.

Ông Q và bà S không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông M; đồng thời có yêu cầu phản tố, yêu cầu ông M trả lại cho ông Q và bà S số tiền 91.430.000 đồng, yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với các yêu cầu của ông M.

- Theo chị Nguyễn Thị Lan A trình bày:

Chị Lan A có tham gia 01 chung hui trong dây hui 5.000.000 đồng mở ngày 25/02/2012 âm lịch do ông M làm chủ hui. Đến ngày 25/11/2012 âm lịch, chị Lan A hốt hui được số tiền 87.300.000 đồng (đã trừ hoa hồng), nhưng ông M không giao tiền hui cho chị Lan A, nên chị Lan A không có đóng hui cho ông M. Dây hui này chị Lan A đóng được 11 lần (mỗi lần đóng cụ thể bao nhiêu không nhớ). Chị Lan A yêu cầu ông M trả lại cho chị Lan A số tiền 87.300.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số:136/2020/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 (được sửa chữa, bổ sung theo Quyết định số 09/2020/QĐ-SCBSBA ngày 14/9/2020) của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Văn M. Buộc bị đơn Trà Thị S và Nguyễn Văn Q có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn Trần Văn M số tiền 286.000.000 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 113.000.000 đồng

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Trà Thị S và Nguyễn Văn Q. Buộc nguyên đơn Trần Văn M có trách nhiệm trả cho bị đơn Trà Thị S và Nguyễn Văn Q số tiền 30.000.000 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả số tiền 61.430.000 đồng

- Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Lan A. Buộc nguyên đơn Trần Văn M có trách nhiệm trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Lan A số tiền 45.000.000 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Lan A yêu cầu nguyên đơn trả số tiền 42.300.000 đồng

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/9/2020, anh Dương Phấn K là người đại diện theo ủy quyền của ông Q và bà S có đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử đình chỉ việc giải quyết vụ án dân sự do hết thời hiệu khởi kiện, nếu không đình chỉ thì yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Q và bà S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Dương Phấn K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Anh K phát biểu: Trong dây hui loại hui 3.000.000 đồng mở ngày 10/10/2011 ông Q và bà S tham gia 02 chung. Chung thứ nhất ông Q và bà S hốt được số tiền 65.020.000 đồng, nhưng ông M chỉ giao số tiền 62.020.000 đồng, còn nợ lại số tiền 3.000.000 đồng; chung hui này ông Q và bà S đóng lại hui chết đầy đủ. Chung hui thứ hai ông Q và bà S hốt được số tiền 81.700.000 đồng nhưng ông M chưa giao tiền hui cho ông Q và bà S, nên ông Q và bà S không có đóng lại hui chết của chung hui này. Trong dây hui loại 5.000.000 đồng mở ngày 25/02/2012

ông Q và bà S tham gia 02 chung, chung còn lại là của chị Lan A tham gia. Chung hui thứ nhất ông Q và bà S hốt được số tiền 94.300.000 đồng nhưng ông M chỉ giao số tiền 89.300.000 đồng; chung hui thứ hai ông Q và bà S hốt được số tiền 79.820.000 đồng nhưng ông M chỉ giao 77.000.000 đồng; hai chung hui này ông M còn nợ ông Q và bà S 7.820.000 đồng, ông Q và bà S đã đóng lại hui chet đầy đủ. Hui đã măn từ năm 2016 nhưng đến năm 2019 ông M mới khởi kiện là hết thời hiệu khởi kiện. Về lãi suất trong giao dịch hui là vượt mức lãi suất theo quy định tại Nghị định 144. Về giám định, bị đơn đã thừa nhận chữ ký trong giấy nhận tiền hui nên không cần thiết phải giám định, nhưng cấp sơ thẩm trung câu giám định và buộc ông Q và bà S phải chịu chi phí giám định là không phù hợp. Do đó, anh K đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh K.

Ông M không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của anh Dương Phần K, sửa một phần bản án sơ thẩm .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của anh Dương Phần K là người đại diện theo ủy quyền của ông Q và bà S (bị đơn), Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thời hiệu khởi kiện: Quá trình giải quyết vụ án, bà S thừa nhận vào ngày 12/4/2013 bà S và ông Q bỏ địa phương đi làm ăn đến tháng 04/2018 mới trở về địa phương. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông M, mặc dù bị đơn không thừa nhận toàn bộ, nhưng bị đơn đã thừa nhận chung hui thứ hai trong dây hui loại 3.000.000 đồng mở ngày 10/10/2011 âm lịch bị đơn đã hốt nhưng không đóng lại hui chet cho nguyên đơn. Như vậy, bị đơn cũng đã thừa nhận một phần nghĩa vụ của mình chưa thực hiện với nguyên đơn, nên thời hiệu khởi kiện được xác định lại theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật dân sự. Do đó, thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn vẫn còn thời hiệu, cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp: Việc giao dịch hui giữa các đương sự là có thực tế xảy ra, được các bên đương sự thừa nhận, nhưng các bên trình bày không thống nhất nhau về số chung hui tham gia, số tiền hui hốt được và việc đóng lại hui chet. Tuy nhiên, qua các tài liệu chứng cứ thu thập có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa đã chứng minh:

[2.1] Đối với dây hui 3.000.000 đồng mở ngày 10/10/2011 âm lịch, bị đơn tham gia 02 chung hui.

[2.1.1] Chung hui thứ nhất: Bị đơn đã bỏ hui vào ngày 10/8/2012 với số tiền 1.910.000 đồng và hốt hui được số tiền là 62.020.000 đồng (trừ hoa hồng 1.500.000 đồng), nguyên đơn đã giao tiền hui cho ông Q nhận và có làm biên nhận.

Người đại diện của bị đơn cho rằng bị đơn bỏ hui với số tiền 1.900.000 đồng và số tiền hốt hui được là 65.020.000 đồng, nhưng nguyên đơn chỉ giao số tiền 62.020.000 đồng và chung hui đã hốt này đã đóng hui chết lại xong đến mần hui nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Tại hồ sơ, nguyên đơn có cung cấp biên nhận là “Giấy giao hui 3 Triệu ngày 16/8/2012 (Bút lục số 116 mặt sau)” với số tiền được hốt là 63.520.000 đồng có ông Q ký tên, ghi họ tên và chữ viết họ tên “nguyễn Văn Q” . Biên nhận này đã được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau giám định và kết luận so với các mẫu chữ viết họ tên của ông Q do Tòa án thu thập là cùng một người viết ra. Như vậy, bị đơn thực tế có nhận đủ số tiền hui được hốt ở chung hui này và không đưa ra được tài liệu chứng minh việc đóng lại hui chết đầy đủ, nên trình bày của nguyên đơn xác định bị đơn còn nợ số tiền 63.000.000 đồng (21 lần x 3.000.000 đồng = 63.000.000 đồng) là có căn cứ. Đối với trình bày của bị đơn cho rằng chung hui này nguyên đơn còn nợ bị đơn số tiền 3.000.000 đồng là không có cơ sở.

[2.1.2] Chung hui thứ hai: Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn xác định bị đơn đóng được 10 lần, số tiền hui được hưởng là 30.000.000 đồng tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn xác định bị đơn đóng được 17 lần, số tiền hui được hưởng là 51.000.000 đồng. Người đại diện của bị đơn cho rằng ngày 10/9/2012 âm lịch bị đơn bỏ hui với số tiền 1.300.000 đồng, hốt được số tiền 81.700.000 đồng (đã trừ hoa hồng 1.500.000 đồng) nhưng nguyên đơn không giao tiền hui, nên bị đơn cũng không đóng hui chết. Ngoài lời trình bày thì người đại diện bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh việc bỏ hui hốt được số tiền 81.700.000 đồng mà nguyên đơn không giao tiền hui nên không có cơ sở chấp nhận, chấp nhận lời trình bày của nguyên đơn là phù hợp. Do nguyên đơn thừa nhận chung hui này số tiền bị đơn được hưởng là 51.000.000 đồng và đồng ý trả cho bị đơn, nên cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm phần này, buộc nguyên đơn trả cho bị đơn số tiền bằng 51.000.000 đồng là có căn cứ

[2.2] Đối với dây hui loại hui 3.000.000 đồng mở ngày 06/01/2013 âm lịch, bị đơn tham gia 01 chung: Nguyên đơn cho rằng ngày 06/3/2013 âm lịch, bị đơn bỏ hui và hốt hui; nguyên đơn đã giao tiền hui cho bà S trực tiếp nhận số tiền 36.450.000 đồng (đã trừ hoa hồng 1.500.000 đồng) và có làm biên nhận. Bị đơn không thừa nhận có tham gia ở dây hui này. Tại hồ sơ, nguyên đơn có cung cấp “Giấy giao hui 3 Triệu ngày 06/ ngày 12/3/2013” và biên nhận này đã được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau giám định và kết luận so với các mẫu chữ viết họ tên của bà S do Tòa án thu thập là cùng một người viết ra. Như vậy, có cơ sở chứng minh bị đơn có tham gia dây hui này, đã hốt hui và nhận đủ số tiền hui hốt được nhưng chưa đóng lại hui chết như nguyên đơn trình bày; nên việc nguyên đơn xác định bị đơn còn nợ số tiền 63.000.000 đồng (21 lần x 3.000.000 đồng = 63.000.000 đồng) là có căn cứ.

[2.3] Đối với dây hui loại hui 5.000.000 đồng mở ngày 25/02/2012 âm lịch, bị đơn tham gia 02 chung:

[2.3.1] Chung hui thứ nhất: Ngày 25/3/2012 âm lịch bị đơn hốt hui đầu bỏ hui với số tiền 1.900.000 đồng và hốt được 91.800.000 đồng; trừ tiền hoa hồng

2.500.000 đồng còn lại số tiền là 89.300.000 đồng, nguyên đơn đã giao tiền hối cho ông Q và bà S nhận. Chung hối thứ hai: Ngày 25/6/2012 âm lịch bị đơn bỏ hối với số tiền 2.820.000 đồng và hốt được hốt 79.500.000 đồng; trừ tiền hoa hồng 2.500.000 đồng, còn lại số tiền 77.000.000 đồng, nguyên đơn đã giao tiền hối cho bà S nhận.

[2.3.2] Cả hai chung hối hai bên thống nhất xác định nguyên đơn đã giao tiền hối cho bị đơn, nhưng nguyên đơn cho rằng hối sau khi trừ hoa hồng đã giao cho bị đơn 01 chung số tiền 89.300.000 đồng, 01 chung số tiền 77.000.000 đồng và chưa đóng hối chết còn nợ lại nguyên đơn số tiền 160.000.000 đồng; Còn bị đơn cho rằng hối hốt được sau khi trừ hoa hồng thì 01 chung số tiền 94.300.000 đồng, 01 chung số tiền 79.820.000 đồng, mà nguyên đơn chỉ giao đủ số tiền như nguyên đơn trình bày và bị đơn xác định 02 chung hối sau khi hốt hối đã đóng hối chết lại đầy đủ nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Tại hồ sơ, nguyên đơn có cung cấp 02 biên nhận chứng minh việc nguyên đơn giao tiền hối cho bị đơn: “Giấy giao hối 5 Triệu ngày 02/4/2012” với số tiền được hốt là 91.800.000 đồng và “Giấy giao hối 5 Triệu ngày 02/7/2012” với số tiền được hốt là 79.500.000 đồng có chữ viết họ tên Trà Thị S và chữ viết họ tên “Trà Thị S”. Các biên nhận này đã được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau giám định và kết luận so với các mẫu chữ viết họ tên của bà S do Tòa án thu thập là cùng một người viết ra.

[2.3.3] Đối với trình bày của bị đơn cho rằng ở 02 chung hối này nguyên đơn còn nợ bị đơn số tiền 7.820.000 đồng và bị đơn đã đóng lại hối chết đầy đủ nhưng không có chứng cứ chứng minh, nên không có cơ sở chấp nhận. Như vậy, cấp sơ thẩm xác định ở đây hối này bị đơn tham gia 02 chung, số tiền hối hốt được của 02 chung hối này nguyên đơn đã giao đủ cho bị đơn và bị đơn còn nợ lại tiền hối chết chưa đóng số tiền 160.000.000 đồng (16 lần x 02 chung x 5.000.000 đồng = 160.000.000 đồng) là có căn cứ.

[2.4] Đối với dây hối loại 3.000.000 đồng mở ngày 10/6/2012 âm lịch và 01 chung hối còn lại trong dây hối loại 5.000.000 đồng mở ngày 25/02/2012 âm lịch, bị đơn không thừa nhận có tham gia, nguyên đơn cũng không có chứng cứ gì chứng minh bị đơn có tham gia, nên không có cơ sở chấp nhận trình bày của nguyên đơn.

[3] Về giám định chữ ký của bị đơn trong các biên nhận tiền hối do nguyên đơn cung cấp: Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có thừa nhận có nhận tiền hối do nguyên đơn giao nhưng không thống nhất với số tiền như nguyên đơn trình bày và trong các biên nhận. Do đó, việc giám định chữ ký của bị đơn trong các biên nhận tiền hối mà nguyên đơn cung cấp là cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Nên bị đơn phải chịu chi phí giám định với số tiền theo tỷ lệ tương ứng với số tiền nguyên đơn được chấp nhận là phù hợp.

[4] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo anh Dương Phần K, sửa một phần bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa một phần bản án sơ thẩm đối với số tiền nguyên đơn phải trả cho bị đơn nên án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn phải chịu được điều chỉnh lại theo quy định pháp luật.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm bị đơn không kháng cáo, đã dự nộp được nhận lại.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Dương Phần K là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Q và bà Trà Thị S.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 136/2020/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn M.

Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Trà Thị S có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Văn M số tiền 286.000.000 đồng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn M đối với ông Nguyễn Văn Q và bà Trà Thị S với số tiền là 113.000.000 đồng

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn Q và bà Trà Thị S đối với ông Trần Văn M.

Buộc ông Trần Văn M có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Q và bà Trà Thị S số tiền 51.000.000 đồng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Văn Q và bà Trà Thị S đối với ông Trần Văn M với số tiền là 40.430.000 đồng

- Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị Lan A đối với ông Trần Văn M.

Buộc ông Trần Văn M có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Lan A số tiền 45.000.000 đồng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của chị Nguyễn Thị Lan A đối với ông Trần Văn M với số tiền là 42.300.000 đồng.

- Chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Trà Thị S có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Trần Văn M chi phí giám định số tiền là 3.626.502 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn M phải chịu số tiền 10.450.000 đồng. Ông M đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 4.760.000 đồng theo biên lai thu số 0002809 ngày 24/10/2019 và số tiền 1.200.000 đồng theo biên lai thu số 0002996 ngày 13/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, đối trừ ông M còn phải nộp tiếp số tiền 4.490.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn Q và bà Trà Thị S phải chịu số tiền 16.321.500 đồng. Ông Q và bà S đã dự nộp số tiền 2.285.750 đồng theo biên lai thu số 0002994 ngày 13/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, đối trừ ông Q và bà S còn phải nộp tiếp số tiền 14.035.750 đồng.

Chị Nguyễn Thị Lan A phải chịu 2.115.000 đồng. Chị Lan A đã dự nộp 2.182.500 đồng theo biên lai thu số 0002995 ngày 13/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, đối trừ chị Lan A được nhận lại số tiền 67.500 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Văn Q và bà Trà Thị S không phải chịu. Ngày 01/10/2020, ông Q đã dự nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004030, bà S đã dự nộp 300.000 đồng (do ông Q nộp thay) theo biên lai thu số 0004029 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập

